

工商部

越南社会主义共和国

独立 - 幸福 - 自由

编号: 40/2025/TT-BCT

河内市, 2025 年 6 月 22 日

通知

关于根据政府 2025 年 6 月 12 日第 146/2025/NĐ-CP 号《关于工业及贸易领域分权分级规定的议定》第 28 条第 6 款规定, 签发货物原产地证明书及书面批准出口商自我认证货物原产地的规定

根据 2017 年《外贸管理法》;

根据 2025 年《政府组织法》;

根据 2025 年《地方政权组织法》;

根据 2025 年《颁布规范性法律文件法》;

根据 2025 年 2 月 19 日国会第 190/2025/QH15 号决议, 规范处理与国家机关组织结构调整相关的若干问题;

根据 2025 年 4 月 1 日政府第 78/2025/NĐ-CP 号议定, 详细规定若干条款及措施, 以组织、指导实施《颁布规范性法律文件法》;

根据 2025 年 6 月 12 日政府第 146/2025/NĐ-CP 号议定, 规范工业与贸易领域的分权与分级;

根据 2018 年 3 月 8 日政府第 31/2018/NĐ-CP 号议定, 详细规定《外贸管理法》关于货物原产地的条款;

根据进出口局局长的建议;

工商部部长颁布通告, 依据政府 2025 年 6 月 12 日第 146/2025/NĐ-CP 号《关于工业与贸易领域分权分级规定的议定》第 28 条第 6 款之规定, 对签发货物原产地证明书及书面批准出口商自我认证货物原产地的事项作出规范。

第一章

总则

第 1 条. 调整范围

本通知规范根据政府 2025 年 6 月 12 日第 146/2025/NĐ-CP 号《关于工业与贸易领域分权分级规定的议定》第 28 条第 6 款签发货物原产地证明书（以下简称 C/O）及书面核准商业主体自行证明出口货物原产地（以下简称核准文件）之事项。

第 2 条. 适用对象

1. 进出口局（工商部）。
2. 省、直辖市人民委员会（以下简称省级人民委员会）。
3. 与货物原产地国家管理职责相关的商业主体、组织及个人。

第二章

组织与实施签发 C/O 及核准文件

第 3 条. 组织实施签发 C/O 及核准文件的原则

1. 确保出口货物原产地国家管理工作的一致性与全面性。
2. 确保符合《政府组织法》及《地方政权组织法》的政策。
3. 符合越南社会主义共和国作为缔约方的国际条约中，对有权签发 C/O 及核发书面批准文件的机关与组织之相关规定。
4. 确保不中断越南社会主义共和国作为缔约方所参与的国际条约，以及由部委、部属局或部委同级机关所签订、内容涉及货物原产地的国际协议之履行。

第 4 条. C/O 及核准文件的内容与范围

1. 进出口局（工商部）负责签发及组织实施本通知附件 I 所列的各类 C/O 及核准文件，须符合本通知第 5 条及相关法律法规规定的条件。
2. 由省级人民委员会根据《地方政权组织法》依其权限指派的组织，负责签发本通知附件 II 所列的各类 C/O 及核准文件，须符合本通知第 5 条及相关法律法规规定的条件。
3. 条件符合性根据本通知附件 III 的模板进行自我评估。进出口局（工商部）将自我评估结果提交工商部部长；由省级人民委员会指派的组织将自我评估结果提交省级人民委员会及工商部部长。

第 5 条. 签发 C/O 及核准文件的条件



EVERWIN
SERVICE GROUP
恒利服務集團

23 Ni Sư Huỳnh Liên, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
G3.21.06 Greenbay, Số 7 ĐL Thăng Long, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
热 线: +84 933 341 688 微 信: everwinservice LINE: everwin888

1. 确保具备足够人力资源，以执行并组织实施各类 C/O 及书面批准文件的签发工作。
2. 对有权签署 C/O 及核准文件的人员进行货物原产地知识的培训与训练。
3. 拥有用于收取货物原产地证明费用的账户。
4. 确保具备数字基础设施，以持续稳定地运行工商部电子原产地管理与签发系统（以下简称 eCoSys 系统，网址：www.ecosys.gov.vn），并顺利执行电子货物原产地证明费用收取、电子 C/O 签发、电子 C/O 数据传输及书面批准文件之签发作业流程。
5. 拥有独立的储存区域及必要的设备，用于储存 C/O 及核准文件的档案与凭证。

第三章

执行责任与施行条款

第 6 条. 省级人民委员会的责任

1. 自本通知生效之日起 90 日内，省级人民委员会须确保根据其权限指派的组织实施各类 C/O 及核准文件之签发作业。
2. 依照进出口局（工商部）的指导，向进出口局（工商部）通报签发 C/O 及核准文件的实施文件（如有）；提供签发 C/O 及核准文件的机关、组织印章样本，以及有权签署 C/O 及核准文件人员的签名样本，并于有变更时实时更新。
3. 公开公告有关货物原产地之国家管理内容，并指导申请 C/O 与核准文件之商业主体，依货物原产地相关法律法规规定正确办理。
4. 检查、监督被指派负责签发 C/O 及核准文件的组织；根据相关法律法规规定，处理在签发 C/O 及核准文件过程中的违规行为。

第 7 条. 经省级人民委员会指派负责签发 C/O 及核准文件的机构之责任

1. 维持本通知第 5 条规定的签发 C/O 及核准文件的条件。
2. 依照货物原产地相关法律法规规定，执行 C/O 及核准文件的签发流程，确保遵循公开、透明、行政改革及便利化原则；受理并解决申请签发 C/O 及核准文件的商业主体所提建议与疑难问题。
3. 监督并指导申请签发 C/O 及核准文件的商业主体，确保其严格遵守货物原产地规则的相关法律规定。

4. 根据货物原产地法律规定，对已签发的 C/O 及核准文件进行检查与核实（包括不再承担签发 C/O 及核准文件任务与权限的情况）。

5. 依本通知附件 IV 规定，向工商部进出口局及省级人民委员会定期（按季度、年度）或暂时提交报告，内容涵盖 C/O 与核准文件签发情况及货物原产地认证费征收事宜。

第 8 条. 工商部下属单位的责任

1. 进出口局负责：

a) 汇总 C/O 及核准文件签发的实施情况。

b) 制定货物原产地培训课程内容。

c) 主导并与主管机关及相关单位合作，定期或突发性地检查负责签发 C/O 及核准文件的机关与组织。

d) 维持本通知第 5 条规定的签发 C/O 及核准文件的条件。

2. 电子商务与数字经济局负责：

a) 管理 eCoSys 系统的技术基础设施，确保 eCoSys 系统与越南国家单一窗口门户网站的电子 C/O 数据连接与传输。

b) 透过 eCoSys 系统为签发原产地证明（C/O）及核准文件的机构建立帐户并指派识别编码。

c) 在 eCoSys 系统上发布并更新签发 C/O 及核准文件的机关与组织名单。

第 9 条. 施行效力

1. 本通知自 2025 年 7 月 1 日起生效。

2. 若本通知所引用的规范性法律文件被修改、补充或替换，则根据已修改、补充或替换的规范性法律文件执行。

收件处：

- 总书记办公室；
- 国家主席办公室；
- 国会办公室；
- 国会常务委员会；
- 民族委员会及国会各委员会；
- 政府办公室；
- 总理、各副总理；
- 各部、部级机关、政府附属机关；
- 最高人民检察院；

代表部长

副部长

阮生日新



23 Ni Su Huỳnh Liên, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
G3.21.06 Greenbay, Số 7 ĐL Thăng Long, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
热线: +84 933 341 688 微信: everwinservice LINE: everwin888

- 最高人民法院；
- 国家审计署；
- 越南祖国阵线中央委员会；
- 各省、直辖市人民委员会、人民议会；
- 司法部文件检查与行政违规处理管理司；
- 政府办公室行政过程控制司；
- 各省、直辖市工业与贸易厅；
- 政府电子信息门户网站、工商部电子信息门户网站；
- 公报；
- 各部委领导；
- 工商部下属各单位；
- 存档：文书处、进出口局（3份）。

附件 I

由进出口局（工商部）签发的 C/O 及核准文件样式列表

附件 II

由省级人民委员会指派组织签发的 C/O 及核准文件样式列表

附件 III

签发 C/O 及核准文件的条件自评表

附件 IV

关于 C/O 及核准文件签发情况的报告

~ 恒利翻译，谨供参考 ~

Số: 40/2025/TT-BCT

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2025

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH VỀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HÓA VÀ CHẤP THUẬN BẰNG VĂN BẢN CHO THƯƠNG NHÂN TỰ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HÓA XUẤT KHẨU THEO KHOẢN 6 ĐIỀU 28 NGHỊ ĐỊNH SỐ 146/2025/NĐ-CP NGÀY 12 THÁNG 6 NĂM 2025 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VỀ PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP TRONG LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương năm 2017;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và chấp thuận bằng văn bản cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu theo khoản 6 Điều 28 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (sau đây gọi là C/O) và chấp thuận bằng văn bản cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu (sau đây gọi là Văn bản chấp thuận) theo khoản 6 Điều 28 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- 1. Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương).
- 2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).
- 3. Thương nhân, tổ chức, cá nhân có liên quan đến nhiệm vụ quản lý nhà nước về xuất xứ hàng hóa.

Chương II

TỔ CHỨC, THỰC HIỆN CẤP C/O VÀ CẤP VĂN BẢN CHẤP THUẬN

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức thực hiện cấp C/O và Văn bản chấp thuận

- 1. Bảo đảm sự thống nhất, toàn diện trong công tác quản lý nhà nước về xuất xứ hàng hóa đối với hàng hóa xuất khẩu.
- 2. Bảo đảm phù hợp với chủ trương theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.
- 3. Phù hợp với quy định về cơ quan, tổ chức có thẩm quyền được cấp C/O và cấp Văn bản chấp thuận tại các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.
- 4. Bảo đảm không làm gián đoạn việc thực hiện điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và thỏa thuận quốc tế từ cấp Cục thuộc Bộ, Bộ, cơ quan ngang Bộ trở lên có nội dung về xuất xứ hàng hóa.

Điều 4. Nội dung, phạm vi cấp C/O và Văn bản chấp thuận

- 1. Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) cấp và tổ chức triển khai việc cấp các loại C/O và Văn bản chấp thuận tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này khi đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 5 Thông tư này và quy định pháp luật có liên quan.
- 2. Tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ theo thẩm quyền cấp các loại C/O và Văn bản chấp thuận tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương khi đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 5 Thông tư này và quy định pháp luật có liên quan.
- 3. Việc đáp ứng điều kiện được thực hiện trên cơ sở tự đánh giá theo mẫu tại Phụ lục III kèm theo Thông tư này. Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) gửi kết quả tự đánh giá điều kiện cho Bộ trưởng Bộ Công Thương; tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ gửi kết quả tự đánh giá điều kiện cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Điều 5. Điều kiện cấp C/O và Văn bản chấp thuận

- 1. Bảo đảm đội ngũ nhân lực để thực hiện việc cấp và tổ chức triển khai việc cấp các loại C/O và Văn bản chấp thuận.
- 2. Được đào tạo, tập huấn kiến thức về xuất xứ hàng hóa đối với người có thẩm quyền ký C/O và Văn bản chấp thuận.

3. Có tài khoản thu phí chứng nhận xuất xứ hàng hóa.

4. Bảo đảm hạ tầng số để triển khai Hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử của Bộ Công Thương (sau đây gọi là Hệ thống eCoSys) tại địa chỉ www.ecosys.gov.vn liên tục, ổn định và thực hiện thông suốt quy trình thu phí chứng nhận xuất xứ hàng hóa điện tử, cấp C/O dưới dạng điện tử, truyền dữ liệu C/O điện tử và cấp Văn bản chấp thuận.

5. Có khu vực lưu trữ riêng, các trang thiết bị cần thiết lưu trữ hồ sơ, chứng từ cấp C/O và Văn bản chấp thuận.

Chương III

TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải bảo đảm việc tổ chức được giao nhiệm vụ theo thẩm quyền triển khai cấp các loại C/O và Văn bản chấp thuận.

2. Thông tin đến Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) văn bản triển khai việc cấp C/O và Văn bản chấp thuận (nếu có); mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức cấp C/O và Văn bản chấp thuận; mẫu chữ ký của người có thẩm quyền ký C/O và Văn bản chấp thuận theo hướng dẫn của Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) và cập nhật ngay khi có thay đổi.

3. Công bố công khai nội dung quản lý nhà nước về xuất xứ hàng hóa và hướng dẫn thương nhân đề nghị cấp C/O và Văn bản chấp thuận thực hiện đúng theo quy định pháp luật về xuất xứ hàng hóa.

4. Kiểm tra, giám sát tổ chức được giao nhiệm vụ cấp C/O và Văn bản chấp thuận; xử lý vi phạm đối với việc triển khai cấp C/O và Văn bản chấp thuận, thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan.

Điều 7. Trách nhiệm của tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ cấp C/O và Văn bản chấp thuận

1. Duy trì điều kiện cấp C/O và Văn bản chấp thuận theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

2. Thực hiện quy trình, thủ tục cấp C/O và Văn bản chấp thuận theo quy định pháp luật về xuất xứ hàng hóa, bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, cải cách hành chính và tạo thuận lợi; tiếp nhận và giải quyết kiến nghị, vướng mắc của thương nhân đề nghị cấp C/O và Văn bản chấp thuận.

3. Theo dõi, hướng dẫn thương nhân đề nghị cấp C/O và Văn bản chấp thuận thực hiện đúng theo quy định pháp luật về xuất xứ hàng hóa.

4. Kiểm tra, xác minh đối với C/O và Văn bản chấp thuận đã được cấp theo quy định pháp luật về xuất xứ hàng hóa (kể cả trường hợp không còn thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn cấp C/O và Văn bản chấp thuận).

5. Báo cáo định kỳ theo quý, năm hoặc báo cáo đột xuất gửi Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tình hình cấp C/O, Văn bản chấp thuận và thu phí chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo quy định tại Phụ lục IV kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Trách nhiệm của đơn vị thuộc Bộ Công Thương

1. Cục Xuất nhập khẩu chịu trách nhiệm:

- a) Tổng hợp tình hình thực hiện cấp C/O và Văn bản chấp thuận.
- b) Xây dựng nội dung chương trình đào tạo, tập huấn về xuất xứ hàng hóa.
- c) Chủ trì, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền, đơn vị liên quan kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất cơ quan, tổ chức cấp C/O và Văn bản chấp thuận.
- d) Duy trì điều kiện cấp C/O và Văn bản chấp thuận theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

2. Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số chịu trách nhiệm:

- a) Quản lý hạ tầng kỹ thuật của Hệ thống eCoSys, kết nối và truyền dữ liệu C/O điện tử từ Hệ thống eCoSys sang Cổng Thông tin một cửa quốc gia của Việt Nam.
- b) Tạo tài khoản và cấp mã số của cơ quan, tổ chức cấp C/O và Văn bản chấp thuận trên Hệ thống eCoSys.
- c) Đăng tải và cập nhật danh mục cơ quan, tổ chức cấp C/O và Văn bản chấp thuận lên Hệ thống eCoSys.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

- 1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.
- 2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- UBND, HĐND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp);
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (Văn phòng Chính phủ);
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử Bộ Công Thương;
- Công báo;
- Các Lãnh đạo Bộ;
- Các đơn vị thuộc Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, XNK (3).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Sinh Nhật Tân

PHỤ LỤC I

DANH SÁCH CÁC MẪU C/O VÀ VĂN BẢN CHẤP THUẬN DO CỤC XUẤT NHẬP KHẨU (BỘ CÔNG THƯƠNG) CẤP

(kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

STT	Tên mẫu C/O và Văn bản chấp thuận	Tên Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương
1	C/O mẫu D và Văn bản chấp thuận	Thông tư số 19/2020/TT-BCT ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung các Thông tư quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN
2	C/O mẫu E	Thông tư số 12/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện giữa Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa
3	C/O mẫu AI	Thông tư số 15/2010/TT-BCT ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN - Ấn Độ
4	C/O mẫu AK	Thông tư số 20/2014/TT-BCT ngày 25 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định khu vực thương mại tự do ASEAN - Hàn Quốc
5	C/O mẫu AJ	Thông tư số 37/2022/TT-BCT ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản
6	C/O mẫu AANZ	Thông tư số 31/2015/TT-BCT ngày 24 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN - Úc - Niu di lân
7	C/O mẫu AHK	Thông tư số 21/2019/TT-BCT ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do ASEAN - Hồng Kông, Trung Quốc
8	C/O mẫu RCEP	Thông tư số 05/2022/TT-BCT ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực
9	C/O mẫu EUR.1	Thông tư số 11/2020/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu

10	C/O mẫu EUR.1 UK	Thông tư số 02/2021/TT-BCT ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len
11	C/O mẫu CPTPP	Thông tư số 03/2019/TT-BCT ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
12	C/O mẫu EAV	Thông tư số 21/2016/TT-BCT ngày 20 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Kinh tế Á - Âu
13	C/O mẫu VN-CU	Thông tư số 08/2020/TT-BCT ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại Việt Nam - Cuba
14	C/O mẫu VC	Thông tư số 31/2013/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định khu vực thương mại tự do Việt Nam - Chi Lê
15	C/O mẫu VK	Thông tư số 40/2015/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc
16	C/O mẫu VJ	Thông tư số 10/2009/TT-BCT ngày 18 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định giữa nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác Kinh tế
17	C/O mẫu VI	Thông tư số 11/2024/TT-BCT ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định thương mại tự do giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nhà nước I-xra-en
18	C/O mẫu X	Thông tư số 17/2011/TT-BCT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Bản Thỏa thuận về việc thúc đẩy thương mại song phương giữa Bộ Công Thương nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia áp dụng cho những mặt hàng có xuất xứ từ một bên ký kết được hưởng ưu đãi thuế quan khi nhập khẩu trực tiếp vào lãnh thổ của bên ký kết kia
19	C/O mẫu S	Thông tư số 04/2010/TT-BCT ngày 25 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Bản Thỏa thuận giữa Bộ Công Thương nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Công Thương nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào về Quy tắc xuất xứ áp dụng cho các mặt hàng được hưởng ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu Việt Nam - Lào
20	C/O mẫu B, A, ICO, Thổ	Thông tư số 23/2025/TT-BCT ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công

	Nhĩ Kỳ, GSTP, BR9, DA59, Peru, Venezuela, CNM và mã số REX	Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất xứ hàng hóa và Thông tư số 38/2018/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập của Liên minh châu Âu, Na Uy, Thụy Sĩ và Thổ Nhĩ Kỳ
--	--	--

PHỤ LỤC II

DANH SÁCH CÁC MẪU C/O VÀ VĂN BẢN CHẤP THUẬN DO TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP
TỈNH GIAO NHIỆM VỤ CẤP
(kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

STT	Tên mẫu C/O và Văn bản chấp thuận	Tên Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương
1	C/O mẫu D và Văn bản chấp thuận	Thông tư số 19/2020/TT-BCT ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung các Thông tư quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN
2	C/O mẫu E	Thông tư số 12/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện giữa Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa
3	C/O mẫu AI	Thông tư số 15/2010/TT-BCT ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN - Ấn Độ
4	C/O mẫu AK	Thông tư số 20/2014/TT-BCT ngày 25 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định khu vực thương mại tự do ASEAN - Hàn Quốc
5	C/O mẫu AJ	Thông tư số 37/2022/TT-BCT ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản
6	C/O mẫu AANZ	Thông tư số 31/2015/TT-BCT ngày 24 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN - Úc - Niu di lân
7	C/O mẫu AHK	Thông tư số 21/2019/TT-BCT ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do ASEAN - Hồng Kông, Trung Quốc

8	C/O mẫu RCEP	Thông tư số 05/2022/TT-BCT ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực
9	C/O mẫu EUR.1	Thông tư số 11/2020/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu
10	C/O mẫu EUR.1 UK	Thông tư số 02/2021/TT-BCT ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len
11	C/O mẫu CPTPP	Thông tư số 03/2019/TT-BCT ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
12	C/O mẫu EAV	Thông tư số 21/2016/TT-BCT ngày 20 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Kinh tế Á - Âu
13	C/O mẫu VN-CU	Thông tư số 08/2020/TT-BCT ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại Việt Nam - Cuba
14	C/O mẫu VC	Thông tư số 31/2013/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định khu vực thương mại tự do Việt Nam - Chi Lê
15	C/O mẫu VK	Thông tư số 40/2015/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc
16	C/O mẫu VJ	Thông tư số 10/2009/TT-BCT ngày 18 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định giữa nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác Kinh tế
17	C/O mẫu VI	Thông tư số 11/2024/TT-BCT ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định thương mại tự do giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nhà nước I-xra-en
18	C/O mẫu X	Thông tư số 17/2011/TT-BCT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Bản Thỏa thuận về việc thúc đẩy thương mại song phương giữa Bộ Công Thương nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia áp dụng cho những mặt hàng có xuất xứ từ một bên ký kết được hưởng ưu đãi thuế quan khi nhập khẩu trực tiếp vào lãnh thổ của bên ký kết kia

19	C/O mẫu S	Thông tư số 04/2010/TT-BCT ngày 25 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Bản Thỏa thuận giữa Bộ Công Thương nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Công Thương nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào về Quy tắc xuất xứ áp dụng cho các mặt hàng được hưởng ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu Việt Nam - Lào
20	C/O mẫu B, A, ICO, Thổ Nhĩ Kỳ, GSTP, BR9, DA59, Peru, Venezuela, CNM và mã số REX	Thông tư số 23/2025/TT-BCT ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất xứ hàng hóa và Thông tư số 38/2018/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập của Liên minh châu Âu, Na Uy, Thụy Sĩ và Thổ Nhĩ Kỳ

PHỤ LỤC III

BẢN TỰ ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN CẤP C/O VÀ VĂN BẢN CHẤP THUẬN
(kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

(Địa danh), ngày tháng năm

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ quan, tổ chức:

2. Văn bản triển khai việc cấp C/O và Văn bản chấp thuận:

.....

3. Địa chỉ (ghi địa chỉ trụ sở cơ quan, tổ chức):

.....

4. Điện thoại:

5. Fax:

6. Email:

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ NHÂN LỰC

1. Cơ sở vật chất:

Diện tích mặt bằng trụ sở: m², trong đó diện tích khu vực cấp C/O và Văn bản chấp thuận: m², diện tích khu vực lưu trữ hồ sơ cấp C/O: m².

2. Hệ thống máy tính, trang thiết bị cấp C/O và Văn bản chấp thuận hiện có:

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang, thiết bị			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
1	Máy tính					
2	Máy in					
3	Máy scan					
4	Máy photo					
5	Thiết bị lưu trữ (kho, giá đỡ ...)					
6	Phương tiện/ thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại (nếu có)					
7	Trang, thiết bị khác (nếu có)					
...						

3. Hệ thống đường truyền Internet cấp C/O và Văn bản chấp thuận hiện có:

STT	Hạ tầng số	Có/ Không	Nhà mạng	Thực trạng hoạt động của hệ thống			Ghi chú
				Tốt	Trung bình	Kém	
1	Đường truyền Internet độc lập						
2	Tài khoản trên Hệ thống eCoSys						
3	Chữ ký số						
4	Tài khoản thu phí						
5	Hệ thống cấp biên lai điện tử						

4. Nhân lực chứng nhận xuất xứ hàng hóa (trực tiếp xử lý hồ sơ, ký duyệt và cấp phép C/O và Văn bản chấp thuận):

- a) Số người có thẩm quyền ký C/O và Văn bản chấp thuận đã tham gia đào tạo, tập huấn kiến thức về xuất xứ hàng hóa: người.
- b) Số người xử lý hồ sơ đề nghị cấp C/O và Văn bản chấp thuận: người.
- c) Tổng đội ngũ nhân lực chứng nhận xuất xứ hàng hóa: người.

III. TỰ ĐÁNH GIÁ

(Tên cơ quan) đã đáp ứng điều kiện cấp C/O và Văn bản chấp thuận theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 40/2025/TT-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- ...

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CẤP C/O VÀ VĂN BẢN CHẤP THUẬN
(kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

**TỔ CHỨC CẤP C/O VÀ VĂN BẢN
CHẤP THUẬN ĐƯỢC UBND TỈNH
GIAO**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... (Địa danh), ngày tháng năm

BÁO CÁO

Về tình hình cấp C/O, Văn bản chấp thuận theo quý/năm ...

Kính gửi:

I. Tình hình triển khai cấp C/O và Văn bản chấp thuận (nếu có)

STT	Nội dung	Có hay không phân cấp, ủy quyền		Văn bản triển khai cấp C/O và Văn bản chấp thuận (Số, ngày tháng năm)
		Có	Không	
1	Cấp C/O			
2	Cấp CNM			
3	Văn bản chấp thuận			

II. Tình hình thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ xuất xứ hàng hóa

1. Việc cấp C/O và Văn bản chấp thuận

a) Số lượng C/O và Văn bản chấp thuận đã cấp/gia hạn:

STT	Mẫu C/O, Văn bản chấp thuận	Từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...
-----	-----------------------------	---

		Số lượng (bộ)	Trị giá (USD)
1	C/O mẫu ...		
2	CNM		
3	Văn bản chấp thuận		
	Tổng cộng		

b) Số lượng C/O bị hủy và Văn bản chấp thuận bị thu hồi:

STT	Mẫu C/O, Văn bản chấp thuận	Từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...		Lý do
		Số lượng (bộ)	Trị giá (USD)	
1	C/O mẫu ...			
2	CNM			
3	Văn bản chấp thuận			
	Tổng cộng			

2. Hoạt động kiểm tra, xác minh và phối hợp kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa đối với tổ chức cấp C/O và Văn bản chấp thuận

a) Kiểm tra, xác minh hồ sơ C/O, Văn bản chấp thuận đã cấp: *(số lượng các cuộc thanh tra/kiểm tra, xác minh; hình thức chủ động kiểm tra/phối hợp kiểm tra; lập danh sách các doanh nghiệp được thanh tra/kiểm tra; nội dung thanh tra/kiểm tra; những vi phạm (nếu có); biện pháp xử lý; số tiền xử phạt thu được/việc chấp hành quyết định xử phạt ...):*

.....

b) Kiểm tra, xác minh tại cơ sở sản xuất: *(số lượng các cuộc thanh tra/kiểm tra, xác minh; hình thức chủ động kiểm tra/phối hợp kiểm tra; lập danh sách các doanh nghiệp được thanh tra/kiểm tra; nội dung thanh tra/kiểm tra; những vi phạm (nếu có); biện pháp xử lý; số tiền xử phạt thu được/việc chấp hành quyết định xử phạt ...):*

.....

3. Hoạt động hướng dẫn, tư vấn và hỗ trợ doanh nghiệp

.....

4. Vướng mắc thực thi cấp C/O và Văn bản chấp thuận (nếu có)

.....

III. Công tác tổ chức, hành chính, nhân sự

.....

IV. Công tác khiếu nại, tố cáo

1. Phản ánh của doanh nghiệp (nếu có):

.....

2. Xử lý thông tin phản ánh của doanh nghiệp (nếu có):

.....

V. Kiến nghị, đề xuất (nếu có)

.....

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)